

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Thứ tư, ngày 15 tháng 4 năm 2020

Vietnam Daily Review

Nhóm ngân hàng phục hồi mạnh mẽ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 16/4/2020		•	
Tuần 13/4-17/4/2020		•	
Tháng 4/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index tiếp tục tăng điểm tốt trong phiên sáng khi các mã cổ phiếu lớn trụ cột như SAB, BID, VPB, CTG, VNM ghi nhận đà tăng tốt. Chỉ số duy trì được sắc xanh và nới rộng biên độ tăng điểm trong phiên chiều. Sự hồi phục của nhóm ngành Ngân hàng với các mã VCB, BID, CTG, TCB là một trong những trụ đỡ thị trường. Thanh khoản khớp lệnh được duy trì mức trung bình cũng cho thấy tâm lý lạc quan của nhà đầu tư. Bên cạnh đó, thị trường cũng có thể ghi nhận biến động nhất định trong phiên ngày mai khi HĐTL VN30F2004 đáo hạn.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 665 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 15/4/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng_3.4%

Phân tích kỹ thuật: LPB_ Tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+9.81 điểm**, đóng cửa 777.22. HNX-Index **+1.18 điểm**, đóng cửa 108.33.
- Kéo chỉ số tăng: **SAB (+6.69%)**; **VCB (+1.43%)**; **BID (+2.19%)**; **CTG (+3.39%)**; **BVH (+5.19%)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VJC (-1.77%)**; **GAS (-0.60%)**; **VHM (-0.29%)**; **VRE (-0.38%)**; **MSN (-0.16%)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 3,373 tỷ đồng, +0% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 11.51 điểm. Thị trường có 263 mã tăng, 57 mã tham chiếu, và 100 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **184.92 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VIC (94.21 tỷ), DBC (16.38 tỷ) và VNM (13.24 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **8.45 tỷ đồng**.

VN-INDEX 777.22

Giá trị: 3373.41 tỷ

9.81 (1.28%)

Khối ngoại (ròng): -184.92 tỷ

HNX-INDEX 108.33

Giá trị: 559.08 tỷ

1.18 (1.1%)

Khối ngoại (ròng): -8.45 tỷ

UPCOM-INDEX 51.51

Giá trị: 283.48 tỷ

0.73 (1.44%)

Khối ngoại (ròng): -7.28 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	19.7	-2.19%
Giá vàng	1,711	-0.90%
Tỷ giá USD/VND	23,436	#DIV/0!
Tỷ giá EUR/VND	25,741	0.53%
Tỷ giá JPY/VND	21,823	-0.32%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	-11.89%
LS TPCP 5 năm	2.7%	2.32%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
CTG	11.3	VIC	-94.2
MSN	8.2	DBC	-16.4
STB	6.4	VNM	-13.3
VRE	6.2	VHM	-9.4
NLG	5.4	TLG	-9.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng_3.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Độ lệch chuẩn
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm (ước tính)	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	16/23 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							
Xây dựng	3.4%	6.1%	5.8%	-16.8%	-30.7%		1.5%	22.0%
Lãi suất giảm	3.0%	6.6%	4.4%	-17.0%	-23.9%		8.6%	19.1%
Vật liệu Xây dựng	2.9%	6.5%	6.9%	-15.7%	-19.5%		1.5%	22.0%
VN FinSelect	2.7%	5.2%	0.6%	-17.3%			1.5%	22.0%
Cổ phiếu hết room ngoại	2.6%	5.5%	1.7%	-19.6%	-25.5%		2.0%	17.4%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	2.6%	4.8%	1.2%	-17.8%	-18.9%		2.0%	17.4%
VN Diamond	2.5%	5.9%	1.6%	-20.3%			1.5%	22.0%
Ngân Hàng	2.2%	3.3%	1.5%	-16.7%	-15.9%	-9.7%	1.5%	22.0%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	2.2%	7.3%	4.3%	-20.6%			1.5%	22.0%
Chiến tranh thương mại	1.9%	9.4%	6.6%	-20.5%	-24.2%		2.0%	17.4%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.9%	4.0%	0.5%	-23.1%	-24.5%	-18.0%	1.5%	22.0%
Bất động sản & Khu công nghiệp	1.9%	3.0%	0.1%	-18.8%	-22.4%	-21.5%	3.4%	22.4%
Stay-at-home	1.7%	3.5%	-0.7%				1.5%	22.0%
Hàng tiêu dùng	1.7%	5.7%	7.0%	-17.9%	-28.8%	-21.8%	23.9%	15.5%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.3%	4.4%	5.3%	-17.1%			2.0%	17.4%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.3%	4.8%	4.6%	-9.9%	-9.4%		23.9%	15.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.3%	8.9%	8.7%	-14.6%	-20.2%	-29.9%	3.4%	22.4%
Nước & Năng lượng	1.2%	4.2%	9.0%	-15.8%	-21.3%		1.5%	22.0%
Cổ phiếu ngành Dược	1.0%	3.4%	7.8%				2.0%	17.4%
Corona Avengers	0.8%	8.5%	12.9%				23.9%	15.5%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.5%	3.0%	5.0%	-17.2%	-20.8%		1.5%	22.0%
FTSE Việt Nam	0.2%	2.7%	2.8%	-17.3%			23.9%	15.5%
Dầu khí	-0.3%	4.7%	4.2%	-32.0%	-36.8%		23.9%	15.5%

Mục tiêu	8/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							
S32	3.2%	6.9%	5.9%	-22.7%	-27.3%	-17.4%	26.7%	22.0%
L22	2.6%	5.2%	7.0%	-20.5%	-25.4%	-25.7%	31.8%	19.4%
L32	2.6%	5.2%	5.8%	-23.2%	-25.5%	-27.2%	53.5%	20.9%
S21	2.5%	6.1%	5.3%	-18.7%	-20.4%	-8.3%	24.2%	19.7%
M31	2.1%	3.4%	3.5%	-19.3%	-22.7%	-13.3%	23.3%	20.7%
M12	2.0%	4.8%	4.5%	-15.8%	-20.5%	-20.8%	51.2%	19.9%
L11	2.0%	2.8%	3.8%	-19.0%	-22.7%	-10.1%	21.6%	17.1%
M22	1.9%	5.7%	4.6%	-15.7%	-19.4%	-4.8%	40.3%	18.7%
S11	1.1%	3.7%	5.5%	-13.7%	-15.1%	-8.3%	39.1%	18.6%

Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX							
HIGH3	2.3%	5.0%	3.0%	-14.6%	-18.2%	-1.4%	65.6%	18.7%
LOW1	1.6%	4.0%	5.8%	-15.4%	-18.7%	-17.1%	20.9%	16.9%
MID1	1.5%	3.4%	8.0%	-12.8%	-19.9%	-8.8%	24.6%	17.2%

INDEX								
VNINDEX	1.3%	3.9%	3.9%	-19.1%	-21.6%	-21.2%	7.3%	16.7%
VN30INDEX	1.3%	4.6%	3.5%	-17.7%	-21.2%	-19.3%	3.4%	17.2%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	1 ngày		1 tuần		1 tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	23	16	7	17	6	14	9
Mục tiêu	9	8	1	6	3	7	2
Rủi ro	3	3	0	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Phân tích kỹ thuật

LPB_ Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, phá kênh Bollinger trên.

Nhận định: LPB đang nằm trong nhịp hồi phục sau khi chạm ngưỡng đáy 5.5. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với thấy nhịp tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ tín hiệu hồi phục. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dài mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. LPB nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại vùng kháng cự 9-10 trong các phiên giao dịch tới. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng giá 7.0 và chốt lãi ngắn hạn quanh ngưỡng giá 9.0. Cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ 6.3.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Luận điểm đầu tư

- LN tăng trưởng mạnh nhờ việc cắt chi phí dự phòng + tăng mạnh từ phí dịch vụ. Trong năm 2020, chúng tôi kỳ vọng LPB sẽ trích lập dự phòng nhiều hơn.
- Chất lượng tài sản, theo đánh giá của BSC, đang ở mức trung bình ngành và có xu hướng gia tăng về mức độ rủi ro.
- Tỷ lệ an toàn vốn, theo ước tính của BSC, giảm nhẹ, tuy nhiên vẫn đáp ứng được mức đề ra của SBV.
- Chúng tôi không có nhiều kỳ vọng về tăng trưởng trong năm 2020 của LPB, kỳ vọng tăng trưởng LN ở mức 10%-12% trong năm tới.

Thông tin chi tiết mời truy cập: [Link](#)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá	Link	TAR_Hồi phục từ đáy	Link
STB_Bứt phá	Link		
KSB_Mô hình hai đáy	Link		
TIG_Bứt phá	Link		

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 15/4/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 15/4	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	20.39	1.39%	-13.71%	-36.50%	-66.80%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	29.85	0.84%	-6.34%	-15.80%	-56.88%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	75.65	5.07%	16.71%	-17.20%	-60.37%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1722.80	-0.24%	4.66%	13.80%	34.60%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	15.70	-0.36%	4.91%	21.60%	5.21%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	860.25	0.56%	-0.09%	0.50%	-10.65%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	549.50	-0.05%	0.37%	8.40%	6.75%		AFX
Sữa	USD /cwt	12.30	0.90%	-7.24%	-22.10%	-24.40%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	152.00	0.40%	0.46%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.25	-0.39%	-1.63%	-11.90%	-28.17%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	118.35	-1.87%	0.38%	7.20%	9.63%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5163.00	2.86%	6.68%	-6.60%	-20.37%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3382.00	-0.32%	4.83%	-3.10%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1503.50	1.62%	1.48%	-10.20%	-19.30%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	607.00	0.33%	4.93%	-2.50%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	57.80	-2.69%	-6.92%	-10.60%	-34.76%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent kỳ hạn tháng 6 giảm 2.14 USD hay 6.7% xuống 29.60 USD/thùng, trong khi dầu WTI kỳ hạn tháng 5 giảm 2.3 USD hay 10.3% xuống 20.11 USD/thùng.
- Theo Viện Dầu mỏ Mỹ, tồn kho dầu thô của nước này tăng 13.1 triệu thùng trong tuần kết thúc vào ngày 10/4, lên 486.9 triệu thùng, so với dự kiến của giới phân tích tăng 11.7 triệu thùng. Các kho hàng dự kiến được lấp đầy nhanh chóng ngay cả khi một số quốc gia thuộc tổ chức G20 đã đồng ý mua dầu để dự trữ chiến lược. Một giám đốc điều hành đường ống dẫn dầu cho biết các kho chứa sẽ đầy vào giữa tháng 5

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 1.3% lên 1,735.85 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6 tăng 0.4% lên 1,768.9 USD. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế, kinh tế toàn cầu sẽ giảm 3% trong năm 2020 do virus corona, đánh dấu sự suy thoái mạnh nhất kể từ cuộc Đại khủng hoảng trong thập niên 30 của thế kỷ trước. Vàng có xu hướng hưởng lợi từ các biện pháp kích thích rộng rãi của các ngân hàng trung ương vì nó thường được thấy như rào cản chống lại lạm phát và làm giảm giá trị tiền tệ.
- Sự gia tăng của vàng cùng với sự đi lên của chứng khoán toàn cầu diễn ra sau khi số liệu thương mại của Trung Quốc tốt hơn dự kiến và một số quốc gia cố gắng khởi động lại nền kinh tế của họ bằng cách dỡ bỏ một phần những hạn chế nhằm ngăn chặn sự bùng phát của đại dịch.

Giá sắt thép

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên tăng 1.2% lên 607 CNY (86.23 USD)/tấn. Trên sàn Thượng Hải, thép thanh giao tháng 10 đóng cửa tăng 0.1% lên 3.384 CNY/tấn. Thép cuộn cán nóng giảm 0.4% xuống 3,200 CNY/tấn. Quặng sắt tại Trung Quốc đóng cửa cao nhất 4 tuần, do xuất khẩu từ các công ty khai mỏ lớn tại Australia và Brazil giảm gây lo ngại về nguồn cung của thành phần sản xuất thép này trong bối cảnh nhu cầu trong nước phục hồi.
- Số liệu từ công ty tư vấn Mysteel cho thấy xuất khẩu quặng sắt từ Australia và Brazil giảm 3.17 triệu tấn trong tuần trước xuống 19.81 triệu tấn. Số liệu của hải quan Trung Quốc cho thấy nhập khẩu quặng sắt trong quý 1 tăng 1.3% lên 262.7 triệu tấn.
- Xuất khẩu sản phẩm thép của Trung Quốc tăng 2.4% trong tháng 3 so với cùng tháng năm trước, nhưng tổng xuất khẩu giảm 16% trong quý 1 do nhu cầu thế giới chậm chạp.

Giá cao su

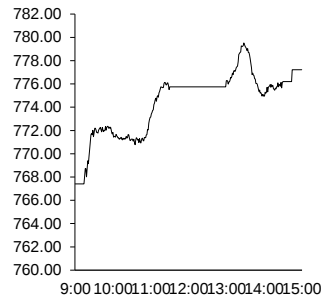
- Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn TOCOM giảm 0.4 JPY hay 0.3% xuống 151.4 JPY/kg. Trên sàn Thượng Hải, hợp đồng kỳ hạn tháng 9 giảm 0.2% xuống 10,050 CNY/tấn.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 5/2020 giảm 0.12 US cent hay 1.2% xuống 10.05 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 5/2020 giảm 3.3 USD hay 0.9% xuống 345.2 USD/tấn. Các nhà máy tại Brazil đã sản xuất đường trong nửa cuối tháng 3 nhiều hơn 42% so với cùng giai đoạn năm trước.
- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 5/2020 giảm 2.55 US cent hay 2.1% xuống 1,172 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 7 giảm 27 USD hay 2.2% xuống 1,192 USD/tấn.

Hình 1

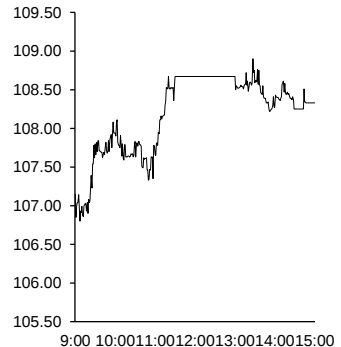
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

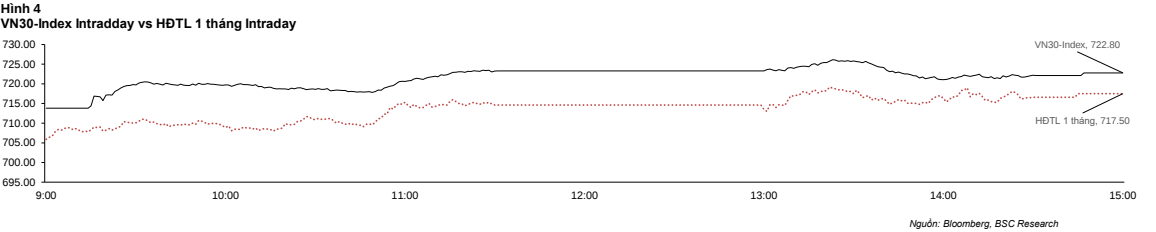
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bảo hiểm	3.38%
Hóa chất	2.55%
Bán lẻ	2.33%
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.29%
Ô tô và phụ tùng	2.28%
Xây dựng và Vật liệu	2.20%
Ngân hàng	2.09%
Truyền thông	2.04%
Thực phẩm và đồ uống	1.89%
Tài nguyên Cơ bản	1.46%
Dịch vụ tài chính	1.44%
Công nghệ Thông tin	1.26%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.99%
Y tế	0.93%
Bất động sản	0.35%
Du lịch và Giải trí	0.16%
Dầu khí	0.12%
Viễn thông	0.00%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.15%

Nguồn: FiinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2004	717.50	1.74%	-5.30	-19.1%	151,019	4/16/2020	3
VN30F2005	695.00	1.76%	-27.80	46.7%	24,739	5/21/2020	38
VN30F2006	688.40	1.83%	-34.40	-43.2%	184	6/18/2020	66
VN30F2009	686.30	1.57%	-36.50	-56.0%	80	9/17/2020	157

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 8.99 điểm lên mức 722.80 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như STB, TCB, VPB, SAB, và MBB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 tăng tích cực ngay đầu phiên sáng, trước khi giành phần lời thời gian giao dịch còn lại giằng co quanh 720-725 điểm. Thanh khoản vừa phải, VN30 có thể vận động tích lũy quanh kháng cự 725 điểm trong những phiên tiếp theo. Tuy vậy, cần cân nhắc những biến động mạnh trong phiên đáo hạn của VN30F2004 vào ngày mai.

- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2009, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2004 và VN30F2006 đang giảm, trong khi VN30F2005 và VN30F2009 đang tăng. Điều này báo hiệu vận động tăng trong ngắn hạn, điều chỉnh giảm trong dài hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 665 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHPG2003	MBS	5/4/2020	19	3:1	479,020	107.4%	6.0 triệu	32.08%	1,570	100	100.00%	-	
CSTB2001	KIS	6/19/2020	65	1:1	755,070	95.5%	5.0 triệu	36.71%	1,500	620	44.19%	206.20	3.01
CFPT1908	MBS	6/17/2020	63	3:1	266,990	249.2%	2.4 triệu	31.34%	3,150	800	35.59%	435.40	1.84
CHPG2001	HSC	6/30/2020	76	2:1	90,830	-61.8%	5.0 triệu	32.08%	1,800	400	33.33%	100.40	3.98
CMWG2004	SSI	6/15/2020	61	1:1	109,860	118.1%	1.0 triệu	36.91%	13,600	410	28.13%	108.30	3.79
CSTB2002	KIS	12/16/2020	245	1:1	292,180	187.7%	3.0 triệu	36.71%	1,700	1,510	22.76%	559.20	2.70
CMBB2001	HSC	6/22/2020	68	2:1	296,070	168.0%	5.0 triệu	31.59%	1,600	130	18.18%	19.30	6.74
CHDB2001	KIS	6/19/2020	65	2:1	411,340	-12.1%	5.0 triệu	33.56%	2,000	140	16.67%	10.50	13.33
CHDB2003	KIS	12/16/2020	245	2:1	57,730	3.8%	2.0 triệu	33.56%	2,700	770	14.93%	103.50	7.44
CHPG2004	SSI	6/15/2020	61	1:1	55,180	-10.6%	5.0 triệu	32.08%	2,800	650	8.33%	182.90	3.55
CVPB2001	HSC	6/22/2020	68	2:1	162,200	-34.5%	5.0 triệu	38.70%	1,500	1,400	4.48%	1,277.00	1.10
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	98	1:1	27,150	-52.4%	1.5 triệu	38.70%	2,200	1,800	4.05%	1,750.40	1.03
CMSN2001	KIS	12/16/2020	245	5:1	24,350	-33.8%	2.0 triệu	31.41%	2,300	2,210	3.76%	1,013.10	2.18
CHPG2002	KIS	12/16/2020	245	2:1	70,780	17.4%	3.0 triệu	32.08%	1,700	830	3.75%	115.20	7.20
CNVL2001	KIS	12/16/2020	245	4:1	82,340	18.3%	2.0 triệu	17.75%	2,300	1,400	0.00%	73.00	19.18
CSBT2001	KIS	12/16/2020	245	1:1	68,640	229.1%	2.0 triệu	32.49%	2,900	970	0.00%	171.20	5.67
CVNM2002	KIS	12/16/2020	245	5:1	22,690	-54.5%	3.0 triệu	27.60%	3,200	1,350	-0.74%	184.90	7.30
CVJC2001	KIS	12/16/2020	245	10:1	89,160	361.0%	2.0 triệu	26.35%	2,400	890	-3.26%	30.70	28.99
CVRE2001	KIS	9/21/2020	159	4:1	211,580	-59.9%	8.0 triệu	37.80%	1,500	390	-7.14%	87.90	4.44
CVPB2004	SSI	5/14/2020	29	1:1	678,280	94.3%	3.0 triệu	38.70%	4,100	350	-12.50%	264.70	1.32
CDPM2001	KIS	6/19/2020	65	2:1	14,280	-18.9%	2.0 triệu	34.84%	1,000	810	-19.00%	349.40	2.32
Tổng:					4,265,720		72.90 triệu	33.00%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 15/4/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- Về giá, CSTB2002 tăng mạnh 22.76 %. Trái lại, CDPM2001 giảm mạnh -19%. Giá trị giao dịch tăng 39.79%. CSTB2002 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 15.01% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là DPM, FPT, STB, VPB, và VRE, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2001 và CDPM2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CDPM2002 và CMSN2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
STB	9.70	5.90	1.33
TCB	17.55	2.33	1.24
VPB	21.75	2.11	1.05
SAB	153.00	6.69	0.92
MBB	16.35	2.83	0.88

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	110.8	-1.77	-0.71
VHM	67.8	-0.29	-0.10
MSN	60.9	-0.16	-0.06
VRE	26.1	-0.38	-0.06
GAS	66.6	-0.60	-0.05

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2003	26,810	22,100	20,100
CSTB2001	12,499	10,999	9,700
CFPT1908	63,450	54,000	50,100
CHPG2001	27,600	24,000	20,100
CMWG2004	24,100	10,500	76,800
CSTB2002	13,588	11,888	9,700
CMBB2001	24,200	21,000	16,350
CHDB2001	33,099	29,099	20,650
CHDB2003	37,523	32,123	20,650
CHPG2004	26,300	23,500	20,100
CVPB2001	23,000	20,000	21,750
CVPB2003	24,200	22,000	21,750
CMSN2001	77,289	65,789	60,900
CHPG2002	33,399	29,999	20,100
CNVL2001	75,088	65,888	51,900
CSBT2001	24,011	21,111	14,150
CVNM2002	157,111	141,111	99,200
CVJC2001	197,137	173,137	110,800
CVRE2001	42,789	36,789	26,100
CVPB2004	28,100	24,000	21,750
CDPM2001	16,567	14,567	14,150

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	76.8	2.7%	1.1	1,512	5.2	8,655	8.9	2.8	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	59.2	3.0%	1.3	580	2.0	5,361	11.0	2.9	49.0%	28.7%
BVH	Bảo hiểm	48.6	5.2%	1.4	1,569	1.5	1,632	29.8	1.9	28.8%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	30.7	0.0%	0.6	308	1.4	2,623	11.7	1.0	54.3%	8.8%
VIC	Bất động sản	96.0	0.4%	0.8	14,118	4.9	2,310	41.6	4.2	14.3%	11.7%
VRE	Bất động sản	26.1	-0.4%	1.1	2,579	3.0	1,226	21.3	2.2	31.7%	10.3%
NVL	Bất động sản	51.9	0.0%	0.8	2,188	1.0	3,552	14.6	2.3	5.9%	16.6%
REE	Bất động sản	31.0	1.8%	0.9	418	1.6	5,287	5.9	0.9	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	9.4	5.0%	1.5	212	1.8	2,850	3.3	0.7	41.6%	20.3%
SSI	Chứng khoán	13.4	1.1%	1.4	349	1.8	1,787	7.5	0.7	51.3%	9.9%
VCI	Chứng khoán	18.3	4.6%	1.0	131	0.9	4,240	4.3	0.7	34.6%	18.0%
HCM	Chứng khoán	16.4	3.1%	1.8	218	1.2	1,421	11.5	1.2	54.0%	11.7%
FPT	Công nghệ	50.1	1.2%	0.8	1,485	4.8	4,631	10.8	2.4	49.0%	23.7%
FOX	Công nghệ	44.0	1.1%	0.4	476	0.0	4,812	9.1	2.3	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	66.6	-0.6%	1.5	5,542	1.9	6,092	10.9	2.6	3.4%	25.4%
PLX	Dầu khí	39.9	0.8%	1.5	2,066	2.1	3,495	11.4	2.1	13.2%	19.6%
PVS	Dầu khí	11.8	-3.3%	1.7	245	2.7	1,777	6.6	0.4	15.2%	7.1%
BSR	Dầu khí	5.7	1.8%	0.8	768	0.6	898	6.3	0.5	41.1%	8.5%
DHG	Dược	88.1	0.3%	0.6	501	0.1	4,668	18.9	3.4	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	14.2	-0.7%	0.6	241	1.2	774	18.3	0.7	17.2%	4.7%
DCM	Hóa chất	6.6	1.7%	0.6	151	0.4	592	11.1	0.6	1.8%	5.1%
VCB	Ngân hàng	70.9	1.4%	1.2	11,433	3.1	5,003	14.2	3.3	23.7%	25.9%
BID	Ngân hàng	37.3	2.2%	1.6	6,523	1.8	2,366	15.8	2.0	17.9%	13.3%
CTG	Ngân hàng	19.9	3.4%	1.3	3,213	5.8	2,541	7.8	1.0	29.8%	13.2%
VPB	Ngân hàng	21.8	2.1%	1.2	2,305	4.8	3,379	6.4	1.3	23.2%	21.5%
MBB	Ngân hàng	16.4	2.8%	1.1	1,714	7.3	3,476	4.7	1.0	23.0%	22.1%
ACB	Ngân hàng	20.2	1.0%	1.0	1,460	3.3	3,694	5.5	1.2	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	40.7	3.2%	0.9	145	0.2	5,165	7.9	1.3	79.4%	17.2%
NTP	Nhựa	30.6	4.4%	0.3	131	0.1	4,167	7.3	1.2	18.5%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.9	1.4%	0.6	641	0.0	356	41.9	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	20.1	0.8%	1.1	2,413	5.2	2,588	7.8	1.2	36.4%	17.1%
HSG	Thép	6.5	7.0%	1.6	119	2.1	1,161	5.6	0.5	17.6%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	99.2	0.2%	0.7	7,511	3.8	5,478	18.1	6.3	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	153.0	6.7%	0.8	4,266	1.4	7,477	20.5	5.2	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	60.9	-0.2%	1.0	3,095	2.9	4,772	12.8	1.7	36.0%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	14.2	0.0%	0.7	361	1.0	508	27.9	1.2	5.9%	4.4%
ACV	Vận tải	54.0	1.3%	0.8	5,111	0.5	2,630	20.5	3.8	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	110.8	-1.8%	1.1	2,524	1.2	7,889	14.0	3.8	18.7%	28.7%
HVN	Vận tải	24.2	3.2%	1.7	1,492	1.8	1,654	14.6	1.9	9.5%	12.9%
GMD	Vận tải	17.0	1.5%	0.9	219	0.2	1,602	10.6	0.9	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	9.0	-0.8%	1.0	110	0.9	2,398	3.8	0.6	27.5%	16.1%
VCS	Vật liệu xây dựng	63.9	9.2%	1.0	445	3.5	8,824	7.2	3.0	2.5%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	15.7	-1.6%	0.7	306	0.1	1,453	10.8	1.1	13.2%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	12.5	3.3%	0.9	207	0.1	1,941	6.4	0.9	6.5%	14.1%
CTD	Xây dựng	56.7	7.0%	1.2	188	1.3	8,859	6.4	0.5	46.4%	8.2%
VCG	Xây dựng	25.0	1.2%	0.6	480	0.4	1,548	16.1	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	18.8	1.1%	0.3	202	0.8	760	24.7	0.9	45.8%	3.7%
POW	Điện	9.1	0.1%	0.6	922	2.4	1,028	8.8	0.8	11.8%	9.4%
NT2	Điện	18.6	1.1%	0.6	233	0.7	2,560	7.3	1.3	17.6%	19.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	153.00	6.69	1.76	210030.00
VCB	70.90	1.43	1.06	1.02MLN
BID	37.30	2.19	0.92	1.11MLN
CTG	19.85	3.39	0.69	6.76MLN
BVH	48.60	5.19	0.51	699600.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VJC	0.00	-0.31	244450.00	1.11MLN
GAS	0.00	-0.22	645240.00	607060.00
VHM	0.00	-0.19	533620.00	373600.00
VRE	0.00	-0.07	2.69MLN	192700.00
MSN	0.00	-0.03	1.11MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TPC	7.50	6.99	0.00	5180.00
DHM	4.44	6.99	0.00	354550.00
CTD	56.70	6.98	0.08	549210.00
TNC	13.80	6.98	0.01	2660.00
D2D	55.30	6.96	0.02	254850.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SSC	50.70	-6.97	-0.02	50.00
DTT	14.70	-6.96	0.00	10.00
ABS	26.45	-6.87	-0.02	2760.00
SC5	19.00	-6.86	-0.01	80.00
VAF	4.50	-6.83	0.00	20.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	20.20	1.00	0.32	3.68MLN
SHB	18.00	1.12	0.27	5.14MLN
VCS	63.90	9.23	0.18	1.30MLN
TAR	34.70	9.81	0.05	317600.00
AMV	14.80	9.63	0.05	395300.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	11.80	-3.28	-0.10	5.12MLN
SHN	7.00	-7.89	-0.07	7400.00
VIX	5.00	-7.41	-0.03	73100.00
PTI	17.50	-7.89	-0.03	100.00
PVX	1.00	-9.09	-0.02	3.85MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

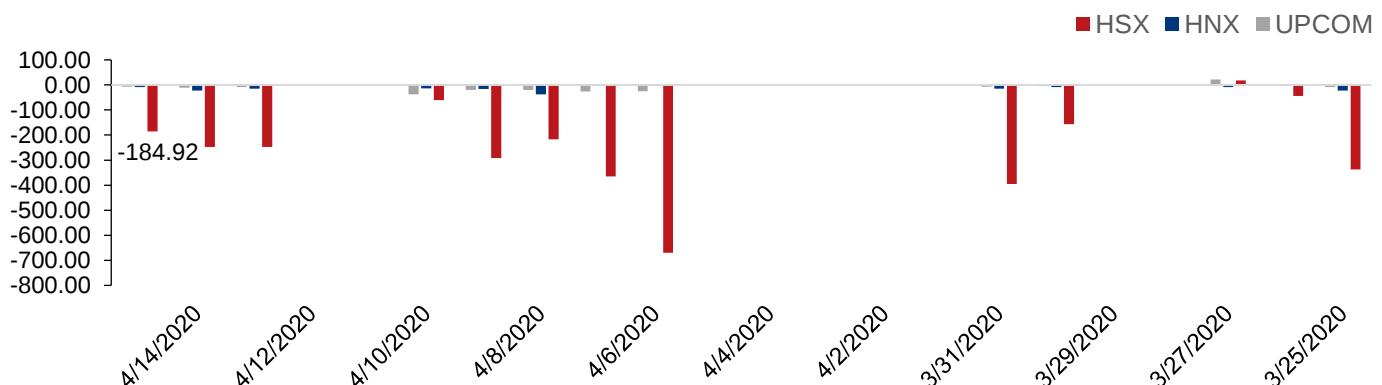
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPP	0.40	33.3	0.00	378600.00
HKB	0.60	20.0	0.00	442700.00
VIG	0.70	16.7	0.00	336900.00
BII	0.80	14.3	0.00	224400.00
MEC	1.00	11.1	0.00	11700.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.40	-20.00	-0.01	74500.00
KVC	0.70	-12.50	-0.01	109200.00
SPI	0.70	-12.50	0.00	24700.00
EVS	7.20	-10.00	-0.01	5000.00
VCM	16.20	-10.00	0.00	100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
4	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
5	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
8	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
9	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
16	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	17.0	1,602	10.6	0.9	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	20.2	3,694	5.5	1.2	Click
3	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	12.0	1,954	6.1	0.6	Click
4	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	153.0	7,477	20.5	5.2	Click
5	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	20.7	1,688	12.2	1.5	Click
6	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	99.2	5,478	18.1	6.3	Click
7	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	11.6	2,690	4.3	0.7	Click
8	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	76.8	8,655	8.9	2.8	Click
9	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	28.0	7,380	3.8	1.0	Click
10	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	50.1	4,631	10.8	2.4	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	18.0	2,109	8.5	1.3	Click
12	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	23.4	3,990	5.9	1.1	Click
13	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	88.1	4,668	18.9	3.4	Click
14	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	24.3	4,313	5.6	1.1	Click
15	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	59.2	5,361	11.0	2.9	Click
16	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	9.0	2,398	3.8	0.6	Click
17	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	159.9	14,782	10.8	4.4	Click
18	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	9.5	0	21.3	0.3	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	113.4	171.4	76.8	8,655	8.9	2.8	Click
20	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	20.2	3,694	5.5	1.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HDTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
PNJ 2020Q2	10/4/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 60000 ; Giá tại Publish 57600 Lợi nhuận gộp Q1/20 ước tính đạt 1,085 tỷ đồng (+3.2% YoY) tương đương biên gộp là 21.7% (giảm nhẹ 20 bps YoY). Chiến lược tập trung vào các dòng sản phẩm có biên lợi nhuận cao đã giúp cho PNJ duy trì được mức biên gộp cao và tối ưu hóa chi phí trong mùa dịch như tiết giảm chi phí nhân viên, thuê mặt bằng ngoài,... đã góp phần làm biên LNST duy trì mức tốt là 8.2% YoY (giảm nhẹ 80 bps YoY). Chúng tôi lưu ý Q2 và Q3 thường là giai đoạn thấp điểm của PNJ nên khả năng sẽ không duy trì được biên gộp cao như Q1 trong 2 quý tới.
VNM 2020Q2	1/4/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 125000 ; Giá tại Publish 91000 Theo VNM chia sẻ, doanh thu cả năm của VNM có thể tăng trưởng chậm lại từ 5-6% dưới tác động của dịch bệnh COVID-19, so với kế hoạch tăng trưởng đầu năm là 10% và không thấp hơn 62,000 tỷ đồng do chưa loại trừ ảnh hưởng của dịch. Chi phí SGA/REV của VNM 2020 sẽ có sự điều tiết giảm về mức 24-25% do (1) Giảm lương nhân viên (2) Giảm marketing, quảng cáo (3) Tăng khuyến mãi để kích thích tiêu dùng. BSC kỳ vọng DTT và LNST của VNM 2020 sẽ đạt lần lượt 59,589 tỷ đồng (+5.6% YoY) và 11,322 tỷ đồng (+7% YoY) nhờ cải thiện được biên gộp, và giảm chi phí SGA/REV; tương đương EPS 2020 là 5,876 VND/cp, PE fwd = 18.1x, PB fwd = 5.4x. Hiện tại, VNM đang được giao dịch với mức PE TTM là 15x thấp hơn so với quá khứ là 20x, nếu giá cổ phiếu tiếp tục giảm thì doanh nghiệp sẽ thực hiện mua cổ phiếu quỹ.
KBC 2020Q1	13/3/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 17110 ; Giá tại Publish 12400 Chúng tôi khuyến nghị Mua cổ phiếu KBC với mức giá hợp lý khoảng 17,110 VND với mức chiết khấu 10% do quan ngại vấn đề pháp lý khiến các dự án trì hoãn so với kế hoạch và cập nhật KQKD 2019 thấp hơn dự báo và triển vọng 2020. BSC dự báo 2020, DT và LNST KBC lần lượt 3,359 tỷ đồng (+3.4% yoy) và LNST 1,177 tỷ đồng (+9% yoy) tương đương với EPS FW 2020 = 2,560 đồng/cp, P/E fwd = 5.8x từ (1) 60ha cho thuê từ KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh (2) 4-5ha từ khu đô thị (KĐT Phúc Ninh, Trảng Duệ). (3) KCN Tân Phú Trung, KCN Quang Châu.
ACB 2019Q4	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 27800 Giá tại Publish 22900 Chúng tôi không thay đổi dự báo đối với ACB trong năm 2019 và 2020. Thu nhập lãi thuần +18.3% yoy, tuy nhiên NIM hiện đang ở mức đỉnh và khó có nhiều đột biến. 9M2019, LNTT tăng trưởng 16.4% yoy nhờ (1) NIM cải thiện nhẹ, (2) tăng trưởng tín dụng ở mức 11.1%, (3) Chi phí dự phòng giảm mạnh -75.5% yoy. Chất lượng tài sản được giữ vững vị thế tốt nhất trong ngành. NPL = 0.7%, LLCR = 158%.
Express TPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 23000 Giá tại Publish 20900 BSC dự báo TPB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 8,088 tỷ VND (+8.5% yoy) và 4,120 tỷ VND (+28.5% yoy). TPB tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng cao trong quý 4/2019. LNTT +71.3% yoy cho năm 2019, tăng trưởng tín dụng ở mức 22.1%. NIM tăng mạnh 42 bps và đang ở mức đỉnh, khó có thể tăng trưởng trong thời gian tới.
DRC 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 28780 ; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND, P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn